

BÁO CÁO

Về “Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, xây dựng ngành công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và phục vụ phát triển bền vững”

Kính gửi: Ban Tuyên giáo Trung ương

Phúc đáp Công văn số 8574-CV/BTGTW ngày 30 tháng 7 năm 2015 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc xây dựng tài liệu phục vụ Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, trên cơ sở Công văn số 411-CV/BCSĐTNTMT ngày 13 tháng 8 năm 2015 của Ban Cán sự Đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi Ban Tuyên giáo Trung ương về việc tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã bổ sung thông tin và kính gửi Quý Ban báo cáo về “Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, xây dựng ngành công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và phục vụ phát triển bền vững” như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

1.1. Tình hình phổ biến, quán triệt Chỉ thị số 50-CT/TW

Chỉ thị số 50-CT/TW đã nêu rõ: “Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, tập trung nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các giải pháp công nghệ sinh học (CNSH) trong xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái và sự cố môi trường”. Trên cơ sở đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức các hoạt động phổ biến, quán triệt như sau:

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế, chính sách nhằm tăng cường quản lý nhà nước về nghiên cứu, ứng dụng, phát triển CNSH; xây dựng và trình ban hành các văn bản pháp luật quản lý nhà nước về an toàn sinh học;

- Thu hút, đa dạng hoá các nguồn đầu tư trong nước và ngoài nước cho nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thân thiện môi trường, trong đó có CNSH, sản phẩm sinh học (chế phẩm sinh học) trong bảo vệ môi trường;

- Nghiên cứu, tiếp nhận và ứng dụng có chọn lọc các thành tựu CNSH trong và ngoài nước phục vụ có hiệu quả trong xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái và sự cố môi trường;

- Đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên sâu; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nghiên cứu, ứng dụng CNSH đạt trình độ tiên tiến có khả năng nghiên cứu, tiếp nhận và ứng dụng CNSH phục vụ công tác bảo vệ môi trường.

- Tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến trong nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của CNSH trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá thông qua việc tổ chức các Hội thảo, tập huấn, đào tạo về an toàn sinh học đối với cây trồng biến đổi gen, việc đánh giá và quản lý rủi ro của cây trồng biến đổi gen; thúc đẩy ứng dụng CNSH nhằm cải thiện và bảo vệ môi trường.

1.2. Tình hình thể chế hoá các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

Thực hiện Quyết định số 188/2005/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển và ứng dụng CNSH trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2012; chủ trì xây dựng dự án Luật Đa dạng sinh học năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2010 về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen và Nghị định số 108/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của Nghị định số 69/2010/NĐ-CP nói trên.

Nhằm xây dựng hành lang pháp lý thúc đẩy phát triển và quản lý ứng dụng sản phẩm CNSH, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cụ thể hóa các quy định pháp luật về quản lý các sản phẩm sinh học (chế phẩm sinh học) sử dụng trong bảo vệ môi trường và lồng ghép vào Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. Theo đó, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 đã có quy định cấm nhập khẩu vi sinh vật ngoài danh mục cho phép (Khoản 10, Điều 7) và cấm sản xuất, kinh doanh sản phẩm gây nguy hại cho con người, sinh vật và hệ sinh thái (Khoản 11, Điều 7).

2. Đánh giá kết quả phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

2.1. Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đã được nêu trong Chỉ thị số 50-CT/TW; chương trình phát triển công nghệ sinh học của Chính phủ:

- Trong thời gian qua, vấn đề ứng dụng CNSH trong xử lý ô nhiễm, khắc phục sự cố môi trường đã được quan tâm nghiên cứu và triển khai, điển hình là các nghiên cứu trong Chương trình khoa học công nghệ (33/11-15) “Nghiên cứu khắc phục hậu quả lâu dài chất da cam/dioxin do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam đối với môi trường và sức khỏe con người ở Việt Nam”. Chương trình được xây dựng nhằm đánh giá hậu quả lâu dài của chất da cam/dioxin đối với môi trường, sinh thái, sức khỏe con người. Đến nay đã nghiên cứu xác định được các đột biến gen, các bệnh liên quan đến phơi nhiễm dioxin; nghiên cứu, phân lập các chủng vi sinh vật góp phần làm sạch các vùng nhiễm dioxin cũng như hóa chất bảo vệ thực vật (POP); nghiên cứu các quy trình và nguyên tắc lựa chọn công nghệ tẩy độc môi trường tại các vùng nhiễm dioxin...

- Triển khai Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường

do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương tập trung nghiên cứu, xây dựng các dự án thí điểm áp dụng công nghệ thân thiện môi trường để xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu.

2.2. Tình hình phát triển công nghệ sinh học:

a) Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái và sự cố môi trường:

Tiến hành nghiên cứu áp dụng xây dựng bộ chỉ thị sinh học phục vụ quan trắc môi trường nước lưu vực sông và áp dụng thử nghiệm bộ chỉ thị sinh học cho lưu vực sông Nhuệ - Đáy; nghiên cứu, xây dựng một số quy trình phân tích kim loại nặng và thuốc bảo vệ thực vật họ clo trong động vật hai mảnh vỏ nước ngọt; xây dựng và đề xuất bộ chỉ thị quan trắc đa dạng sinh học.

Các đề tài cũng đã đi sâu nghiên cứu các vấn đề về hệ sinh thái, đa dạng sinh học, an toàn sinh học ở Việt Nam. Trong đó, đã xây dựng và dự thảo khung hướng dẫn đánh giá rủi ro đối với sinh vật biến đổi gen; đề xuất cơ chế quản lý hoạt động tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen ở Việt Nam; xây dựng khung kế hoạch phòng ngừa và kiểm soát các loài sinh vật ngoại lai xâm lấn và các giải pháp khả thi để phục vụ cho công tác phòng ngừa và kiểm soát các loài sinh vật ngoại lai xâm lấn.

Bên cạnh các nghiên cứu ứng dụng CNSH trong bảo vệ môi trường, các sản phẩm CNSH trong xử lý ô nhiễm môi trường ngày càng được sử dụng rộng rãi. Theo số liệu điều tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường, hiện có hơn 800 chế phẩm sinh học đang được lưu hành trên thị trường. Nhằm kiểm soát tính an toàn và hiệu quả của các sản phẩm này, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 19/2010/TT-BTNMT ngày 12 tháng 10 năm 2010 quy định đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam, nhiều sản phẩm vi sinh vật đã được đăng ký lưu hành, đa dạng về thành phần (các hợp chất tự nhiên, vi sinh vật, các chất hữu cơ, vô cơ...), các sản phẩm vi sinh vật sử dụng trong cải tạo, bảo vệ môi trường: khử mùi, phân hủy rác thải, chất hữu cơ thành phân bón, xử lý sinh vật phù du, xử lý rác thải, khắc phục sự cố môi trường... Thông tư số 19/2010/TT-BTNMT đã bước đầu hạn chế các sản phẩm sinh học không đảm bảo chất lượng, an toàn, không có xuất xứ được lưu hành, qua đó tạo môi trường lành mạnh khuyến khích thúc đẩy việc phát triển các sản phẩm sinh học làm sạch môi trường và xử lý ô nhiễm.

b) Thực hiện Dự án xây dựng và triển khai Luật Đa dạng sinh học và các Nghị định định hướng dẫn thi hành Luật:

Với vai trò quan trọng của công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, một trong ba nhiệm vụ trọng tâm của công tác bảo vệ môi trường (bên cạnh các nhiệm vụ phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường), Việt Nam đã tích cực tham gia, là thành viên của nhiều điều ước quốc tế về đa dạng sinh học như: Công ước Liên hợp quốc về đa dạng sinh

học (UNCBD), Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế, đặc biệt như là nơi cư trú của các loài chim nước (RAMSAR), Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật bị đe dọa tuyệt chủng (CITES), Nghị định thư về an toàn sinh học (CARTAGENA), v.v... Để thực hiện nghiêm túc các cam kết quốc tế nói trên, thể chế hóa kịp thời các chủ trương của Đảng và Nhà nước về vấn đề bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng dự án Luật Đa dạng sinh học báo cáo Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008. Bộ cũng đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2010 về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen và Nghị định số 108/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2011 về sửa đổi một số điều của Nghị định số 69/2010/NĐ-CP nhằm thực hiện Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học trong điều kiện Việt Nam. Sau khi các Nghị định được ban hành, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã triển khai thực hiện các nội dung liên quan trong lĩnh vực quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen như sau:

(i) Xây dựng và ban hành các Thông tư hướng dẫn:

- Thông tư số 13/2013/TT-BTNMT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy trình kỹ thuật và định mức kinh tế-kỹ thuật trong phát hiện sinh vật biến đổi gen bằng phương pháp phân tích định tính, định lượng axit deoxyribonucleic;

- Thông tư số 08/2013/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định trình tự, thủ tục cấp và thu hồi Giấy chứng nhận an toàn sinh học đối với cây trồng biến đổi gen;

- Thông tư số 09/2012/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc cung cấp, trao đổi thông tin và dữ liệu về sinh vật biến đổi gen.

- Xây dựng Đề án về phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học, làm cơ sở cho Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 36/2014/TT-BTC ngày 24 tháng 3 năm 2014 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học đối với cây trồng biến đổi gen.

(ii) Báo cáo Chính phủ về việc gia nhập Nghị định thư bổ sung Nagoya - Kuala Lumpur về nghĩa vụ pháp lý và bồi thường trong khuôn khổ Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học: Việt Nam là quốc gia thành viên của Nghị định thư Cartagena về An toàn sinh học trong khuôn khổ Công ước Đa dạng sinh học từ năm 2004. Điều 27 của Nghị định thư đã quy định về nghĩa vụ pháp lý và bồi thường thiệt hại do vận chuyển xuyên biên giới các sinh vật biến đổi gen gây ra. Tháng 10 năm 2010, tại cuộc họp lần thứ 5 các bên tham gia Nghị định thư Cartagena về An toàn sinh học, các Bên đã thông qua Nghị định thư bổ sung Nagoya-Kuala Lumpur về Nghĩa vụ pháp lý và bồi thường trong khuôn

khổ Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học (sau đây gọi tắt là Nghị định thư bổ sung). Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề nêu trên và với trách nhiệm là quốc gia thành viên của Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học, từ năm 2012, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nghiên cứu, đánh giá các nội dung, điều khoản quy định của Nghị định thư bổ sung và xây dựng Tờ trình Chính phủ về việc gia nhập Nghị định thư bổ sung. Ngày 12 tháng 02 năm 2014, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 10/NQ-CP về việc gia nhập Nghị định thư bổ sung. Việc gia nhập Nghị định thư bổ sung sẽ tạo cho Việt Nam một cơ sở pháp lý quốc tế vững chắc hơn trong việc yêu cầu các tổ chức, cá nhân khi vận chuyển xuyên biên giới sinh vật biến đổi gen qua lãnh thổ Việt Nam nếu để xảy ra thiệt hại phải có trách nhiệm và bồi thường thiệt hại, thông qua đó sẽ hạn chế các rủi ro đến môi trường, đa dạng sinh học và sức khỏe con người.

(iii) Tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức về sinh vật biến đổi gen và công khai thông tin về sinh vật biến đổi gen đối với môi trường, đa dạng sinh học, sức khỏe con người và vật nuôi:

- Từ năm 2006, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng và đưa vào vận hành Cổng thông tin điện tử về an toàn sinh học tại địa chỉ: <http://www.antoansinhhoc.vn>. Cổng thông tin là địa chỉ tra cứu hữu ích cho doanh nghiệp, công chúng quan tâm về các thông tin liên quan đến an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen trong nước và quốc tế cũng như là công cụ để nâng cao nhận thức của cộng đồng về công nghệ chuyển gen. Bên cạnh đó, với vai trò là đầu mối quốc gia thực hiện Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học tại Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng thường xuyên cập nhật các thông tin về an toàn sinh học của Việt Nam lên trang thông tin điện tử an toàn sinh học quốc tế.

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông xây dựng các phóng sự, phim tài liệu về việc quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen; in ấn và phát hành các ấn phẩm có nội dung liên quan đến vấn đề an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen (Hướng dẫn giải thích Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học; đánh giá và quản lý rủi ro các sinh vật biến đổi gen; các câu hỏi thường gặp về an toàn sinh học; khung phân tích rủi ro của Australia; kiến thức cơ bản về sinh vật biến đổi gen và an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen; quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen,...).

- Phối hợp với các tổ chức trong nước và quốc tế tổ chức các hội thảo, tập huấn, đào tạo nhằm tăng cường năng lực cho các cán bộ quản lý, nhà nghiên cứu và nâng cao nhận thức của cộng đồng về sinh vật biến đổi gen.

(iv) Thẩm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học cho cây trồng biến đổi gen:

Từ năm 2013 đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận 05 hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học đối với các sự kiện ngô biến đổi gen mang đặc tính kháng sâu và chống chịu thuốc trừ cỏ. Sau khi tiếp nhận

các hồ sơ nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã triển khai các hoạt động thẩm định theo đúng trình tự quy định tại Thông tư số 08/2013/TT-BTNMT: Thành lập Tổ chuyên gia và Hội đồng an toàn sinh học; Đăng tải báo cáo đánh giá rủi ro của giống ngô biến đổi gen đăng ký lên website www.antoansinhhoc.vn để lấy ý kiến công chúng; Tổ chức các phiên họp thẩm định hồ sơ của Tổ chuyên gia và Hội đồng an toàn sinh học. Việc đánh giá các hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học đều trải qua quá trình thẩm định kỹ lưỡng, khoa học của Hội đồng an toàn sinh học và Tổ chuyên gia, những người có chuyên môn, kinh nghiệm trong các lĩnh vực có liên quan. Đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học cho 04 sự kiện ngô biến đổi gen:

- Quyết định số 1836/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học cho ngô biến đổi gen mang sự kiện MON89034 kháng sâu hại bộ cánh vảy của Công ty TNHH Dekalb Việt Nam;

- Quyết định số 2486/QĐ-BTNMT ngày 03 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học cho ngô biến đổi gen mang sự kiện NK603 chống chịu thuốc trừ cỏ của Công ty TNHH Dekalb Việt Nam;

- Quyết định số 2485/QĐ-BTNMT ngày 03 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học cho ngô biến đổi gen mang sự kiện GA21 chống chịu thuốc trừ cỏ của Công ty TNHH Syngenta Việt Nam;

- Quyết định số 70/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học cho ngô biến đổi gen mang sự kiện Bt11 kháng sâu đục thân ngô châu Á của Công ty TNHH Syngenta Việt Nam.

Có thể nói, việc thẩm định các hồ sơ nêu trên đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen và quy trình thẩm định này cũng dựa theo kinh nghiệm và các chuẩn mực về đánh giá hồ sơ và chứng nhận an toàn sinh học đã được tiến hành trên thế giới.

c) Xây dựng và triển khai Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đến năm 2020:

Tại Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đến năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt về nguyên tắc 08 nhóm nhiệm vụ và nội dung cần thực hiện, bao gồm:

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách và giải pháp nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Nâng cao năng lực cán bộ về công nghệ sinh học phục vụ lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Tăng cường trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường;

- Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý ô nhiễm, khắc phục sự cố môi trường, cải tạo và phục hồi các hệ sinh thái;

- Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học để tạo ra các công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường, sản xuất nhiên liệu sinh học;

- Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học để lưu giữ, bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên đa dạng sinh học;

- Nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện các phương pháp đánh giá nhằm kiểm soát, quản lý hiệu quả công nghệ và sản phẩm công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thành lập Ban điều hành Đề án tại Quyết định số 556/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, với sự tham gia của các Bộ: Công Thương, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Kế hoạch và Đầu tư; đang triển khai các nội dung của Đề án, cụ thể:

- Ban hành Kế hoạch Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai Quyết định số 1660/QĐ-TTg trong đó đã xác định nhóm nhiệm vụ và kinh phí do Bộ chủ trì (được phê duyệt tại Quyết định số 1660/QĐ-TTg).

- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Điều hành Đề án, trong đó xác định rõ cơ chế quản lý Đề án; xây dựng Quy chế tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án thuộc Đề án.

- Xác định các nhiệm vụ và lộ trình thực hiện các nhiệm vụ đã được phê duyệt trong Đề án.

Trong thời gian tới, Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ tiếp tục tập trung triển khai một số nội dung sau:

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường để nâng cao năng lực và hiệu quả phòng ngừa, xử lý ô nhiễm, giảm thiểu suy thoái, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm phát triển bền vững đất nước.

- Thúc đẩy việc chuyển giao, làm chủ và ứng dụng các công nghệ sinh học tiên tiến, hiện đại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2.3. Đánh giá chung

Nhìn chung, hoạt động khoa học và công nghệ trong lĩnh vực CNSH của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong giai đoạn 2005-2015 đã bước đầu bám sát các nội dung chỉ đạo tại Chỉ thị 50-CT/TW và đã đạt được một số kết quả khả quan. Sản phẩm đề tài có ý nghĩa thực tiễn và đã góp phần tích cực trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Các kết quả này đã đóng góp và áp dụng hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước, nghiên cứu, đào tạo trong lĩnh vực môi trường và là cơ sở khoa học để xây dựng cơ chế, chính sách về thúc đẩy phát triển ứng dụng CNSH trong xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái và sự cố môi trường; đào tạo và tăng cường nguồn nhân lực (cả về chất lượng và số lượng) cho công tác bảo vệ môi trường.

Bên cạnh các kết quả đạt được, việc ứng dụng CNSH vào công tác bảo vệ môi trường còn chưa tương xứng với tiềm năng và quy mô. Năng lực trình độ công nghệ, kỹ thuật, trang thiết bị còn nghèo nàn, lạc hậu chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế trong công tác bảo vệ môi trường.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN CHỈ THỊ 50-CT/TW

1. Mục tiêu, yêu cầu đặt ra đối với ngành công nghệ sinh học trong thời gian tới

- Tiếp tục và thúc đẩy triển khai các chương trình, dự án khoa học công nghệ cấp nhà nước, cấp Bộ có liên quan đến lĩnh vực CNSH; Đề án phát triển và ứng dụng CNSH trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đến năm 2020; Đề án tái nilong thân thiện môi trường,...

- Thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn sinh học, đa dạng sinh học tại Luật Đa dạng sinh học, Luật Bảo vệ môi trường, Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030,...

- Xây dựng các phòng thí nghiệm hiện đại nghiên cứu về CNSH, quan trắc sinh học, ứng dụng triển khai các kết quả nghiên cứu trong bảo vệ môi trường; Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nguồn lực thực hiện các biện pháp kiểm tra, kiểm soát rủi ro của sinh vật biến đổi gen đối với môi trường và đa dạng sinh học. Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích phát triển thị trường sản phẩm CNSH.

- Phát triển CNSH môi trường truyền thống kết hợp với các CNSH tiên tiến để xây dựng các quy trình công nghệ nhằm giảm thiểu phát thải, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, tái chế và tái sử dụng chất thải được thải ra từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt.

- Khai thác hợp lý và sử dụng có hiệu quả nguồn gen vi sinh vật, thực vật tham gia vào quá trình chuyển hóa, phân hủy và khoáng hóa; ứng dụng CNSH

trong việc nghiên cứu và bảo tồn đa dạng sinh học và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên sinh học. Tăng cường hợp tác, trao đổi và học tập kinh nghiệm nâng cao năng lực kỹ thuật, chuyên môn của các cơ quan, đơn vị các cấp về quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen.

2. Các giải pháp đột phá để công nghệ sinh học có đóng góp lớn hơn vào phát triển kinh tế, xã hội

- Nghiên cứu khoa học và ứng dụng rộng rãi CNSH trong phòng ngừa và xử lý ô nhiễm môi trường, tập trung vào việc xử lý chất thải y tế, chất thải nguy hại, chất thải khu công nghiệp, chất thải sinh hoạt đô thị và chất thải của các làng nghề ở nông thôn.

- Nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng các CNSH để sản xuất năng lượng mới, sạch, tái tạo được và thân thiện với môi trường để thay thế một phần các nhiên liệu hoá thạch đang dần cạn kiệt từ phế liệu, phế thải, thực vật,... như sản xuất các nhiên liệu sinh học (biofuel): xăng sinh học (xăng - etanol sinh học), dầu diesel sinh học (biodiesel), khí sinh học (biogas).

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để tiếp tục đẩy mạnh phát triển và ứng dụng CNSH phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo nội dung Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá IX, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất, kiến nghị như sau:

3.1. Kiến nghị Ban Bí thư Trung ương Đảng tăng cường công tác giám sát, kiểm tra nhằm đảm bảo cấp uỷ các cấp quán triệt và thực hiện nghiêm túc tinh thần Chỉ thị số 50-CT/TW.

3.2. Kiến nghị Ban Cán sự Đảng Chính phủ tiếp tục quan tâm chỉ đạo tăng cường nguồn nhân lực và cơ sở vật chất phát triển CNSH trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, cụ thể:

a) Tăng cường ngân sách nhà nước tập trung đầu tư cho một số chương trình trọng điểm về xây dựng phòng thí nghiệm, đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học và phát triển CNSH trong bảo vệ môi trường.

b) Phát triển nguồn nhân lực khoa học, CNSH cả về số lượng và chất lượng, trong đó chú trọng đào tạo cán bộ CNSH có trình độ cao, thông qua việc đào tạo cán bộ trong và ngoài nước. Mở rộng và thúc đẩy sự gắn kết giữa các đơn vị quản lý nhà nước với các đơn vị tổ chức nghiên cứu, đào tạo về lĩnh vực CNSH nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu và đào tạo, thúc đẩy hiệu quả, tính khả thi của các nghiên cứu vào thực tiễn cũng như trong quản lý, bảo vệ môi trường.

c) Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế, chính sách và tăng cường công tác quản lý nhà nước về nghiên cứu, ứng dụng, phát triển CNSH; tăng cường năng lực và kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về an toàn sinh học.

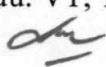
d) Có chính sách thu hút, đa dạng hoá các nguồn đầu tư trong nước và ngoài nước cho nghiên cứu, sản xuất các chế phẩm CNSH trong xử lý ô nhiễm chất thải, chất độc hóa học, cải thiện và khắc phục sự cố môi trường; xây dựng và áp dụng chính sách ưu đãi cho phát triển nhanh các doanh nghiệp CNSH vừa và nhỏ; chính sách gắn kết chặt chẽ hoạt động khoa học và công nghệ với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khuyến khích và hỗ trợ mạnh mẽ các hoạt động phổ biến, chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực CNSH vào bảo vệ môi trường và sản xuất năng lượng sinh học; nghiên cứu ứng dụng, phát triển bền vững và bảo vệ các nguồn tài nguyên sinh vật. Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng cơ sở nghiên cứu và ứng dụng CNSH.

đ) Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi cơ hội để đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ; tăng cường hợp tác nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNSH trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

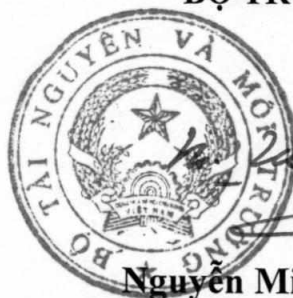
Trên đây là báo cáo về “Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, xây dựng ngành công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và phục vụ phát triển bền vững”, Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng đề nghị Quý Ban tổng hợp và báo cáo Ban Bí thư./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCMT.7



BỘ TRƯỞNG




Nguyễn Minh Quang